

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025-2026**

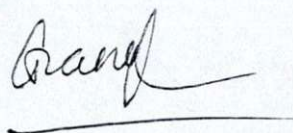
(Kèm theo thông báo số 1478/TB-ĐHSPKT ngày 27/.../2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

| TT | Mã SV          | Họ tên SV     | Lớp HP        | Tên HP               | Điểm công bố lần 1 | Điểm chấm phúc khảo | Ghi chú          |
|----|----------------|---------------|---------------|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|
| 1  | 23115044122204 | Võ Tư Bản     | 225KTXSCDT01  | Kỹ thuật xung số CDT | 1,0                | 1,0                 |                  |
| 2  | 25115041125118 | Lê Đình Thành | 225HCM01      | Tư Tưởng Hồ Chí Minh | 3,0                | 3,0                 |                  |
| 3  | 25115055125126 | Phan Viết     | 225KDTCN02    | Toán chuyên ngành    | 1,5                | 1,5                 |                  |
| 4  | 25115055125122 | Lê Viết Thành | 225KDTCN02    | Toán chuyên ngành    | 5,0                | 5,0                 |                  |
| 5  | 25115055125122 | Lê Viết Thành | 225KDKCD02    | Khí Cụ Điện          | 6,0                | 6,0                 |                  |
| 6  | 25115055125143 | Phạm Tấn      | 225KDTCN02    | Toán chuyên ngành    | 6,5                | 6,5                 |                  |
| 7  | 25115055125150 | Đặng Tấn      | 225PLDCK04    | Pháp luật đại cương  | 6,5                | 6,5                 |                  |
| 8  | 25115055125150 | Đặng Tấn      | 225KDKTLTC200 | Lập trình C          | 6,0                | 6,0                 |                  |
| 9  | 25115055125201 | Hoàng Tuấn    | 225THMLK11    | Triết học Mác-Lênin  | 7,0                | 7,0                 |                  |
| 10 | 25115055125212 | Nguyễn Đăng   | 225THMLK10    | Triết học Mác-Lênin  | 5,5                | 5,5                 |                  |
| 11 | 2415055122137  | Lường Văn     | 225TCN02      | Toán chuyên ngành    | 4,0                | 4,0                 |                  |
| 12 | 2415055122137  | Lường Văn     | 225MD204      | Máy điện 2           | 6,0                | 6,0                 |                  |
| 13 | 25115055125213 | Trần Bá       | 225KDTCN04    | Toán chuyên ngành    | 8,5                | 8,5                 |                  |
| 14 | 25115055125219 | Nguyễn Phú    | 225KDLTM101   | lý thuyết mạch 1     | 1,5                | 1,5                 |                  |
| 15 | 25115055125219 | Nguyễn Phú    | 225THMLK02    | Triết học Mác-Lênin  | 8,0                | 7,0                 | Có thay đổi điểm |
| 16 | 25115042125209 | Văn Phú       | 225KDSBVL05   | Sức bền vật liệu     | 2,0                | 2,0                 |                  |

| TT | Mã SV          | Họ tên SV            | Lớp HP      | Tên HP                   | Điểm công bố lần 1 | Điểm chấm phúc khảo | Ghi chú          |
|----|----------------|----------------------|-------------|--------------------------|--------------------|---------------------|------------------|
| 17 | 25115054125236 | Dương Đức Hoàng Minh | 225LTMDT103 | Lý thuyết mạch điện tử 1 | 4,5                | 4,0                 | Có thay đổi điểm |
| 18 | 25115054125236 | Dương Đức Hoàng Minh | 225VLBD01   | Vật lý bán dẫn           | 6,5                | 6,5                 |                  |
| 19 | 25115054125237 | Tô Hoàng Minh        | 225TCN03    | Toán chuyên ngành        | 1,5                | 1,5                 |                  |
| 20 | 25115063125121 | Võ Đình Nam          | 225SBVL03   | Sức bền vật liệu         | 3,0                | 3,0                 |                  |
| 21 | 2415041122337  | Nguyễn Lê Anh Quân   | 225CNT02    | Công nghệ tạo phôi       | 7,0                | 7,0                 |                  |
| 22 | 2415041122337  | Nguyễn Lê Anh Quân   | 225CTM04    | Chi tiết máy             | 6,0                | 6,0                 |                  |
| 23 | 21115073120126 | Lê Văn Thuận         | 225XSTK02   | Xác suất thống kê        | 2,0                | 2,0                 |                  |
| 24 | 25115075125141 | Phan Thị Ngọc Trang  | 225THML01   | Triết học Mác-Lênin      | 8,0                | 8,0                 |                  |
| 25 | 21115061120149 | Nguyễn Duy Tú        | 225KCCTT01  | Kết cấu công trình thép  | 3,0                | 3,0                 |                  |
| 26 | 2415041122151  | Nguyễn Văn Tuyển     | 225HCM05    | Tư Tưởng Hồ Chí Minh     | 1,0                | 1,0                 |                  |
| 27 | 25115054125267 | Hoàng Anh Vũ         | 225LTMDT103 | Lý thuyết mạch điện tử 1 | 2,0                | 2,0                 |                  |
| 28 | 25115054125269 | Trần Đức Tuấn Vũ     | 225TCN03    | Toán chuyên ngành        | 2,0                | 2,0                 |                  |

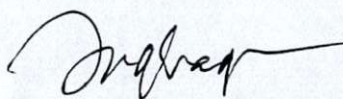
Danh sách có 28 trường hợp được chấm phúc khảo./.

Người lập bảng



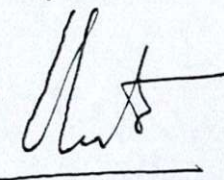
Trương Linh Giang

PHÒNG KHẢO THÍ  
VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



TS. Đặng Ngọc Thành

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Trung Hùng

